TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2023/DS-ST
Ngày: 05-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Phạm Thị Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Ngọc Liên Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 161/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 đường N, Phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ma Khánh C, năm sinh 1984; Địa chỉ liên hệ: Số 224 đường S, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 476/2022/GUQ-CNTB ngày 30 tháng 8 năm 2022.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đình L, năm sinh 1989; Địa chỉ: Số 415/17/10 đường C, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông C xin vắng mặt tại phiên tòa)

(Ông L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền là ông Ma Khánh C trình bày: Ngày 06/11/2018, ông Hoàng Đình L ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 120.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tìn dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 492.433.467 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông L đã thanh toán được số tiền 417.546.306 đồng và không tiếp tục thanh toán. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L thanh toán số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 05/7/2023 là 175.390.046 đồng, trong đó: nợ vốn 117.601.028 đồng, lãi quá hạn 57.789.018 đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết.

Tại phiên tòa,

Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/11/2018 thì ông L được Ngân hàng phê duyệt cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 120.000.000 đồng. Tính đến ngày 05/7/2023, ông L còn thiếu số tiền 175.390.046 đồng, trong đó: nợ vốn 117.601.028 đồng, lãi quá hạn 57.789.018 đồng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng yêu cầu ông L trả số tiền nợ thẻ nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ông L hiện cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Ngân hàng khởi kiện ông L tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Xét ông L đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Như vậy, ông L đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên ông L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng) ngày 06/11/2018 giữa Ngân hàng và ông L. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng sử dụng thẻ mà các bên giao kết với nhau là đúng quy định của pháp luật về trình tự, cơ chế tín dụng hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định tại các Điều 6, Điều 8, Điều 90, Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 117, Điều 386 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét Ngân hàng yêu cầu ông L trả tiền nợ vốn còn thiếu: Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/11/2018 thì giữa ông L và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thanh toán tự động trừ thẻ tín dụng, theo đó ông L được Ngân hàng phê duyệt hạn mức tín dụng là 120.000.000 đồng và ông L đã thanh toán được 2.398.972 đồng. Tính đến ngày 5/7/2023, ông L còn nợ Ngân hàng tiền nợ vốn 117.601.028 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Xét Ngân hàng yêu cầu ông L trả tiền lãi: Hội đồng xét xử căn cứ vào điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng

thì tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Cụ thể tại thời điểm ông L ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì mức lãi suất là 2,15%/tháng theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng và thông báo chuyển nợ quá hạn nên ông L phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ khi vi phạm. Theo bảng tóm tắt sao kê tính đến ngày 05/7/2023 thì tiền lãi mà ông L phải chịu trên số tiền nợ vốn 117.601.028 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông L trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí sơ thẩm trên yêu cầu Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 386, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 6, Điều 8, Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật phí và Lệ phí;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Hoàng Đình L thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền nợ vốn còn thiếu 117.601.028 (Một trăm mười bảy triệu sáu trăm lẻ một nghìn không trăm hai mươi tám) đồng và tiền lãi 57.789.018 (Năm mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm mười tám) đồng. Tổng tiền vốn và tiền lãi 175.390.046 (Một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm chín mươi nghìn không trăm bốn mươi sáu) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Hoàng Đình L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán,

theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hoàng Đình L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.769.502 (T trăm bảy mươi sáu mươi chín nghìn năm trăm lẻ hai) đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền 3.154.050 (Ba triệu một trăm năm mươi bốn nghìn không trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0031976 ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Hoàng Đình L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu